TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 01năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 390/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sin Si N, sinh năm 1987 (có mặt).

Thường trú: Số 279/10, đường T, Tổ 3, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 20/6, đường S, ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Thường trú: Số 279/10, đường T, Tổ 3, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ghi ngày 12/3/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Sin Si N trình bày sự việc như sau:

Ông Thái Văn T trước đây đã kết hôn và đã ly hôn. Năm 2011 thì bà (Sin Si N) và ông Thái Văn T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2015 ngày 28/12/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung nhà với ba mẹ chồng (Thái Văn Mong và Trần Thị Nghiền). Được vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bà không hợp nhau, hay mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chồng bà thường ghen tuông vô lý dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, xảy ra xô xát. Bà về nhà ba mẹ ruột của bà sinh sống từ tháng 3/2021 và vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay.

Từ khi ly thân, chồng bà cũng không có biểu hiện hàn gắn hay níu kéo tình cảm vợ chồng. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên là Thái Ngọc T, sinh ngày 13/3/2014 và Thái Thành N, sinh ngày 13/12/2015, hiện trẻ T đang sống với bà, còn trẻ N đang sống với ông T. Khi ly hôn bà muốn được tiếp tục nuôi trẻ T, ông T tiếp tục nuôi trẻ N, không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Về tài sản chung: Do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Thái Văn T không có mặt nên không có lời khai của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Thái Văn T hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 370/TB-TA ngày 08/4/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 và giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa số 390/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 và giấy triệu tập nhưng bị đơn ông Thái Văn T đều không đến Tòa án mà không rõ lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Sin Si N về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Thái Văn T, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Sin Si N và ông Thái Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2015 ngày 28/12/2015, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừ anhận.

Tại phiên tòa bà Sin Si N khai rằng sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung nhà với ba mẹ chồng. Được vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bà không hợp nhau, hay mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chồng bà thường ghen tuông vô lý dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, xảy ra xô xát. Bà về nhà ba mẹ ruột của bà sinh sống từ tháng 3/2021 và vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay.

Từ khi ly thân, chồng bà cũng không có biểu hiện hàn gắn hay níu kéo tình cảm vợ chồng. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà xin được ly hôn với ông T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Sin Si N và ông T có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà Sin Si N cương quyết xin ly hôn với ông T vì không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, ông T cũng không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Sin Si N.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Sin Si N và ông T không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà Sin Si N là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Bà Sin Si N và ông T có 02 con chung tên là Thái Ngọc T, sinh ngày 13/3/2014 và Thái Thành N, sinh ngày 13/12/2015, hiện trẻ T đang sống với bà Sin Si N, còn trẻ N đang sống với ông T. Khi ly hôn bà Sin Si N muốn được tiếp tục nuôi trẻ T, ông T tiếp tục nuôi trẻ N, không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Xét thấy, trẻ T có nguyện vọng được sống với bà Sin Si N và hiện đang sống cùng với bà Sin Si N nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ T cho bà Sin Si N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Xét thấy, trẻ N có nguyện vọng được sống với ông T và hiện cũng đang sống cùng với ông T nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Bà Sin Si N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ T và cũng không cấp dưỡng nuôi trẻ N, do ông T không có mặt nên không có ý kiến của của ông T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Sin Si N.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T và bà Sin Si N được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- *Tài sản chung*:

Bà Sin Si N khai về tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Bà Sin Si N khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà Sin Si N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 81, Khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Sin Si N.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Sin Si N được quyền ly hôn với ông Thái Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2015 ngày 28/12/2015 do Ủy ban nhân dân Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Sin Si N và ông Thái Văn T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Giao trẻ Thái Ngọc T, sinh ngày 13/3/2014 cho bà Sin Si N trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao trẻ Thái Thành N, sinh ngày 13/12/2015 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Sin Si N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ T và bà Sin Si N không cấp dưỡng nuôi trẻ N.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T, bà Sin Si N được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà Si Si N khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà Sin Si N phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0085952 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, bà Sin Si N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Thái Văn T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Trung An, H. Củ Chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương